

Bản án số: 138/2022/HS-ST
Ngày: 13-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Huế; bà Phạm Thị Tư;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng X Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 155/2021/HSST ngày 08 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Hướng Th**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm: 1982; tại: Đồng Nai; NĐKNKTT và cư trú : Số M, Tổ N, Khu phố K, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh Doanh; con ông: Hoàng Công H và bà: Vũ Thị Xuân H; vợ: Nguyễn Thị Vân Th, sinh năm 1983, đã ly hôn và có 03 con: **lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011**; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/01/2021 Th bị Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố, tạm giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 175 và Điều 341 Bộ luật Hình sự; hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam, Công an tỉnh Đồng Nai từ ngày 20/01/2021 cho đến nay, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thanh Đ – Văn phòng Luật sư S, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Mai X, sinh năm 1986; anh Bùi Xuân D, sinh năm 1982;

Đều trú tại: Số L, đường P, Phường Y, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1970; trú tại: Tổ V, Khu phố K, phường T, Quận X, tp. HCM, vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1995; trú tại: Tổ V, Khu phố K, phường T, Quận X, tp. HCM, vắng mặt.
3. Anh Nguyễn Duy V, sinh năm 1974; trú tại: Số M, đường N, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Trục Cường, sinh năm 1978; trú tại: Số K đường P, Phường B, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt;
2. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1976; trú tại: Số N đường P, Phường B, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 04/9/2020, Hoàng Hương Th ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô biển số 62C- 107.26 với ông Nguyễn Bảo Q, nơi cư trú: Tổ V, Khu phố K, phường T, Quận X, TP Hồ Chí Minh và Th nhận xe tại Văn phòng Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp ô tô Hoàng Hải do Th làm Phó giám đốc, ở địa chỉ: Khu phố K, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai. Thời hạn thuê xe là 01 năm, kể từ ngày 04/9/2020 đến ngày 04/9/2021, giá thuê xe 16.000.000đ/tháng. Theo Th mục đích thuê xe là cho người khác thuê lại để hưởng tiền chênh lệch. Trong hợp đồng thuê xe, Th cam kết không cầm cố thế chấp, vay vốn, không vận chuyển hàng cấm hoặc phục vụ mục đích trái pháp luật. Khi giao xe, ông Q đưa cho Th bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe, bản chính giấy biên nhận thế chấp xe, bản chính giấy đăng kiểm và bản chính giấy bảo hiểm của xe ô tô trên. Sau khi thuê xe, Th không tìm được khách hàng để cho thuê lại, tại thời điểm đó công ty của Th làm ăn thua lỗ, không có tiền trả tiền lãi, do đó Th đã nảy sinh ý định bán chiếc xe ô tô biển số 62C- 107.26 để lấy tiền. Thực hiện ý định, ngày 06/9/2020, Th chạy xe ô tô biển số 62C- 107.26 đến nhà anh Nguyễn Duy V (Thăng), nơi cư trú: Số M, đường N, xã L, TP Bảo Lộc (là em họ của Th). Khi gặp anh V, Th nói dối về nguồn gốc chiếc xe trên và nhờ anh V tìm người mua xe giúp Th. Anh V tin tưởng đồng ý nhận lời. Do biết vợ chồng anh chị Nguyễn Thị Mai X và anh Bùi Xuân D, trú tại số K, đường P, Phường 2, TP Bảo Lộc có nhu cầu cần mua xe nên anh V đã liên hệ với chị X để gặp xem xe và thỏa thuận giá cả.

Khoảng 12 giờ 00 cùng ngày, Th, anh V gặp vợ chồng chị X tại quán cà phê ở số F, H, Phường X, TP B, lúc đó còn có anh Nguyễn Trục C và chị Nguyễn Thị X (là bạn của chị X, anh D). Tại đây, sau khi giới thiệu làm quen, Th báo giá bán xe ô tô

biển số 62C- 107.26 là 460.000.000đ và cho biết xe đang thế chấp trong Ngân hàng VIB, đồng thời để cho chị X và anh D cùng những người có mặt tin tưởng Th đưa ra thông tin gian dối như sau: *chủ xe không có khả năng thanh toán. Ngân hàng cho thời hạn 03 tháng nếu chủ xe không thanh toán thì Ngân hàng sẽ phát mãi xe ô tô trên. Th có quen biết với Ngân hàng nên sẽ bỏ tiền để lấy xe ra, công ty đã làm rất nhiều trường hợp như thế*, Th đề nghị chị X, anh D đưa trước số tiền 200.000.000đ để đặt cọc lấy xe ra, *trong thời hạn 03 tháng nếu chủ xe không thanh toán cho Ngân hàng VIB thì Th sẽ thanh toán số tiền còn lại sau đó làm thủ tục sang tên giấy tờ xe cho chị X, còn nếu chủ xe có tiền thanh toán cho Ngân hàng VIB thì Th hoàn trả lại tiền đặt cọc và tính tiền lãi 5- 6%/tháng, kể từ ngày nhận tiền cọc*. Tiếp đó, Th đưa cho chị X xem giấy tờ của xe ô tô biển số 62C- 107.26 gồm: 01 (một) bản sao chứng thực giấy đăng ký xe, 01 (một) bản chính giấy đăng kiểm, 01 (một) bản chính giấy chứng nhận bảo hiểm, 01 (một) bản chính giấy biên nhận thế chấp do Ngân hàng VIB (*mang tên Nguyễn Hoàng H*). Mặt khác, anh V đứng ra bảo đảm trong thời gian đặt cọc có vấn đề xảy ra về nguồn gốc chiếc xe thì anh V chịu trách nhiệm bồi thường số tiền đặt cọc cho vợ chồng chị X, anh D. Nghe vậy, chị X, anh D tin tưởng đồng ý mua xe. Sau đó, Th, anh V, chị X và anh D đến tiệm MAKE UP Kiều Nhi ở số K, đường H, Phường X, TP B để nhờ chỗ viết giấy đặt cọc mua xe. Sau khi viết giấy, chị X đưa cho Th số tiền 200.000.000đ và nhận xe cùng giấy tờ liên quan. Th đã dùng số tiền chiếm đoạt được của chị X để sử dụng vào mục đích cá nhân. Th hoàn toàn không liên hệ với ngân hàng VIB cũng như ông Q hay anh H để làm thủ tục mua bán xe chiếc xe ô tô biển số 62C- 107.26 như đã hứa hẹn, vì Th không có khả năng thực hiện và không có thẩm quyền. Sau 03 tháng hết thời hạn do không liên lạc với Th, ngày 14/12/2020 chị X đã đến Cơ quan CSĐT- Công an TP B trình báo sự việc trên, giao nộp chiếc xe ô tô biển số 62C- 107.26 và các giấy tờ liên quan đến xe ô tô cùng 01(một) hợp đồng đặt cọc tiền mua xe đề ngày 06/9/2020.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 25/KL- HĐĐGTS ngày 02/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự TP B, xác định giá trị của chiếc xe ô tô biển số 62C- 107.26 là : 541.450.000đ.

Qua xác minh nguồn gốc chiếc xe ô tô trên là của anh Nguyễn Hoàng H, nơi cư trú: Tổ N, Khu phố K, Phường T, Quận Z, TP Hồ Chí Minh (*con ông Nguyễn Bảo Q*) mua vào ngày 12/3/2018 với giá : 750.000.000đ. Ngày 28/3/2018, anh H ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng VIB, Phòng giao dịch Phạm N, Quận N, TP Hồ Chí Minh thế chấp xe ô tô biển số 62C- 107.26 để vay số tiền: 540.000.000đ, thời hạn 96 tháng, kết thúc hợp đồng ngày 28/3/2026, hình thức trả góp từng tháng. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng VIB giao lại cho anh H bản sao chứng thực giấy đăng ký xe ô tô và bản chính giấy biên nhận thế chấp xe ô tô trên mang tên anh H, còn Ngân hàng giữ lại

bản chính giấy đăng kí xe ô tô, anh Nguyễn Hoàng H vẫn duy trì đóng tiền hàng tháng, chưa phát sinh nợ xấu, dẫn đến phát mãi hay thanh lý xe ô tô trên.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an TP B đã thu hồi và trả lại chiếc xe ô tô biển số 62C- 107.26, nhãn hiệu: Ford Ranger và một số giấy tờ liên quan cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Hoàng H. Anh H và ông Q cũng không yêu cầu gì về phần dân sự đối với Th về vi phạm hợp đồng thuê xe.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra anh Nguyễn Duy V đã trả thay cho bị cáo Th số tiền 200.000.000 đồng cho anh D, chị X. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 14/9/2022 gia đình bị cáo Th tiếp tục trả cho anh D, chị X số tiền 100.000.000 đồng khắc phục hậu quả. Số tiền 100.000.000 đồng này anh D, chị X giao trả lại cho anh Nguyễn Duy V. Tại phiên tòa anh V đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Th có nghĩa vụ trả lại cho anh V số tiền còn thiếu là 100.000.000 đồng. Anh D, chị X không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Bản Cáo trạng số 157/CT-VKSBL ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Hoàng Hương Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Th từ 05 (năm) năm, 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm, 06 (sáu) tháng tù và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về Dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho anh V số tiền là 100.000.000 đồng. Buộc bị cáo Th phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên người bào chữa cho rằng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng với bị cáo là quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi liên quan đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ

quan tiền hành tố tụng, Người tiền hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định tội: Để có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân, vào ngày 06/9/2020 Hoàng Hường Th đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc chiếc xe ô tô biển số 62C- 107.26, làm cho chị Nguyễn Thị Mai X và anh Bùi Xuân D tin tưởng giao số tiền 200.000.000 đồng thông qua hình thức đặt cọc tiền mua xe ô tô nhằm mục đích chiếm đoạt. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi liên quan có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo Th đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự;

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo bồi thường một phần thiệt hại, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét lời đề nghị của người bào chữa, ý kiến đề nghị của bị hại, người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa là hợp lý cần chấp nhận, giảm mức hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền, không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn Duy V yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền 100.000.000 đồng đã trả thay cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trả lại chiếc xe ô tô cho chủ sở hữu, anh H và anh Q không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Về án phí: Bị cáo phải Th chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Hoàng Hường Th** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Hoàng Hường Th 05 (năm) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/01/2021.

2/ Phần dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Duy V số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng án phí DSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo, riêng bị hại, người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP B;
- Công an TP. B
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Tú

